TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH G**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2018/HS-ST
Ngày 16-11-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Anh Luyện**.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lý Đức Phượng**.
2. Bà **Trần Thị Hoài**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Việt Cường** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Bà **Võ Thu Hằng** – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 27/2018/TLST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 534/2018/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

Bị cáo: **BÀN VĂN Đ** (Tên gọi khác: **Ton**) - Sinh ngày 18 tháng 11 năm 1993 tại huyện B, tỉnh G.

Nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện B, tỉnh G; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Bàn Văn Nhì – Sinh năm: 1968; Con bà: Bàn Thị Kim – Sinh năm: 1968; Gia đình bị cáo có 03 chị em, bị cáo là con thứ 03; Vợ, con: Không; Tiền án; Tiền sự: Không;

Bị cáo Đài bị bắt ngày 23-5-2018, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện H, tỉnh G; Hôm nay có mặt.

Người bị hại:

- Anh **Giàng Mí C** – Sinh năm: 1980; Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện H, tỉnh G. Hôm nay vắng mặt.

- Anh **Lý Văn T** – Sinh năm: 1978; Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện H, tỉnh G. Hôm nay vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh **Dương Xuân T** – Sinh năm: 1986; Địa chỉ: Tổ Luộc 01, thị trấn V, huyện C, tỉnh Q. Hôm nay vắng mặt.

- Anh **Phàn Văn H** (Tên gọi khác: **Phàn Văn T**) – Sinh năm: 1986; Địa chỉ: Thôn Q, xã Q, huyện H, tỉnh G. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. Hôm nay có mặt.

Người làm chứng: Ông **Bàn Văn N** – Sinh năm: 1968; Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện B, tỉnh G. Hôm nay có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 23-4-2018, Bàn Văn Đ mượn xe mô tô của Bàn Văn Việt (trú cùng thôn) để đưa Phàn Văn D từ thôn Tân T, xã V đến xã T, huyện B để lấy xe mô tô của D trước đó đã cho Phàn Văn H mượn. Khi đến quán ăn đối diện chợ xã T thì gặp H và bạn của H tên là Th (nhà ở huyện Ch, tỉnh T, không xác định được họ tên, địa chỉ cụ thể), cả bốn người rủ nhau ăn uống tại đây. Trong khi ăn uống, H rủ Đ đi trộm cắp tài sản, Đ đồng ý. Sau khi ăn uống xong, Th bị say rượu nên mọi người đưa đến ngủ tại Nhà nghỉ Suối Quang (thuộc xã Tân Q, huyện B), Đ cũng để xe mô tô đi mượn tại Nhà nghỉ. Đến khoảng 00 giờ ngày 24-4-2018, H điều khiển xe mô tô (mượn của D trước đó) chở Đ và D đi theo hướng xã T đi xã T, huyện H. Trên đường đi, H bảo Đ hộ quan sát xem có xe mô tô nào không để trộm cắp. Khi đến nhà ông Lý Văn T quan sát thấy xe mô tô nhãn hiệu Sym Elegant, màu đen – xanh, BKS 23H1-129.17 để trước sân, H bảo Đ và D ở bên ngoài cảnh giới, còn H đi vào lấy trộm chiếc xe mô tô trên. Sau khi trộm cắp, H điều khiển xe mô tô vừa trộm cắp được chở Đ, còn D điều khiển xe còn lại, cả ba đi tiếp một đoạn phát hiện có xe để ngoài sân, H tiếp tục trộm chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda wave, màu đỏ đen, BKS 23D1-212.68 của Giàng Mí C đang để trước hiên nhà, Đ và D ở ngoài cảnh giới. Khi trộm được 02 chiếc xe nói trên, ba người mỗi người điều khiển một xe (H điều khiển xe mô tô BKS 23D1-212.68, Đ điều khiển xe mô tô BKS 23H1-129.17, D điều khiển xe còn lại) quay lại Nhà nghỉ Suối Q. Tại đây, khi T tỉnh dậy không ai nói gì về việc đã trộm cắp tài sản, sau đó D ngủ lại Nhà nghỉ, còn H, Đ và T điều khiển 02 xe mô tô trộm cắp được về phòng trọ của H tại thị trấn V, huyện C, tỉnh Q, T xuống xe ở giữa đường (tại huyện C), còn H và Đ mỗi người điều khiển một xe tiếp tục đi về phòng trọ của H. Đến nơi, H thống nhất với Đ xe mô tô BKS 23D1-212.68 sẽ làm giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả mang tên Đ đem bán để được giá cao, sau đó đưa Đ số tiền 2.000.000đ (Đ về đưa D 1.000.000đ), bảo Đ khi nào làm xong giấy tờ thì xuống bán xe. Đến ngày 30-4-2018, D gọi điện cho Đ xuống huyện C bán xe, đến ngày 01-5-2018 H đưa đăng ký xe làm giả cho Đ, sau đó H, D, Đ cùng đi bán xe tại hiệu cầm đồ của Dương Xuân T (sinh năm 1986, HKTT: thị trấn V, huyện C, tỉnh Q). Tại đây bán xe được 12.000.000đ, H chia cho Đ và D mỗi người 2.400.000đ, Đ sử dụng số tiền trên

mua 01 chiếc điện thoại di động vỏ màu xám có chữ itel với giá 1.200.000đ, số tiền còn lại Đ tiêu xài cá nhân hết. Sau khi mua bán xong, Dương Xuân T nghi ngờ giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô là giả nên đã trình báo với Công an huyện C. Sau điều tra, xác minh, ngày 09/5/2018, Phàn Văn H bị Công an huyện C khởi tố về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", đồng thời tạm giữ xe mô tô nhãn hiệu Sym Elegant, màu đen – xanh, đã bị H thay BKS 23H1-129.17 thành BKS 22B2-131.60).

Quá trình điều tra đã lấy lời khai đối tượng Phàn Văn H và tiến hành đối chất giữa H và bị cáo Đ, tuy nhiên H không thừa nhận hành vi trộm cắp 02 xe mô tô nói trên. H khai với nội dung: Đ gọi điện hẹn lên gặp tại T để bán xe không có giấy tờ nên khoảng 17 giờ ngày 23-4-2018, H cùng bạn tên T đi xe mô tô mượn của D (mượn từ trước đó) đi từ thị trấn V, huyện C. Lên đến Tân Q, gặp Đ và D cùng đi trên một xe mô tô, cả 4 rủ nhau vào quán ăn uống, thấy T say rượu nên đưa vào nhà nghỉ để ngủ, sau đó D điều khiển xe mô tô của D đi mua áo, còn H và Đ điều khiển xe mô tô còn lại đến một quán nước gần chỗ ăn cơm trước đó. Đ bảo H ngồi đợi và để xe tại đó, còn Đ đi bộ đi đâu không rõ, chỉ nói là đi lấy xe mô tô của người bạn, khoảng 1 giờ sau Đ quay lại, điều khiển 1 chiếc mô tô Honda wave, màu sơn đỏ đen, không gắn biển kiểm soát. Hai người quay lại Nhà nghỉ đón T, khi T và H đứng trước cửa Nhà nghỉ, D lúc đó đi bộ ra ngã tư đèn giao thông T để mua thuốc lá, nước uống (khoảng 5 phút sau thì D quay về), còn Đ đi bộ đi đâu không rõ, khoảng gần 1 giờ sau thì thấy Đ điều khiển một chiếc xe màu xanh, không nhớ đặc điểm, biển kiểm soát, Đ nói là xe của Đ. Qua trao đổi, H trả chiếc xe màu đỏ giá 4.000.000đ, do rẻ nên Đ không bán rồi đề nghị H mua giấy tờ giả để bán được giá cao hơn. H đồng ý nên H điều khiển xe mô tô Honda wave màu đỏ, Đ điều khiển xe màu xanh chở T phía sau về huyện C luôn trong đêm, còn D đi đâu thì không rõ. Đến sáng ngày 24-4-2018, Đ bắt xe khách về nhà. Ngày 25-4-2018, Đ gọi điện thoại đề nghị H mua giả giấy tờ giả cho xe mô tô màu xanh và được H đồng ý. Sau đó thì H bị bắt.

Sau khi phạm tội, đối tượng Phàn Văn D đi khỏi địa phương, không xác định được đi đâu làm gì, chứng kiến một phần sự việc là T: không xác định được địa chỉ, họ tên cụ thể (đã xác minh tại địa phương nhưng không có manh mối).

Tại bản kết luận giám định số 270/KL-PC54 ngày 05-3-2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh G, kết luận: bề mặt kim loại tại vị trí đóng hàng số khung, số máy của xe mô tô Honda wave, màu sơn đỏ - đen và xe mô tô Sym Elegant, màu sơn đen – xanh không bị tẩy xóa, sửa chữa, hàng chữ đóng trên khung xe và thân máy là các chữ số nguyên thủy của xe. Ngày 14-5-2018, Công

an huyện H xác minh qua số khung, số máy trên hai phương tiện, xác định chủ sở hữu là ông Lý Văn T và ông Giàng Mí C.

Tại Kết luận định giá tài sản ngày 18-5-2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện H, kết luận: xe mô tô nhãn hiệu Sym elegant, mầu đen – xanh, số máy MSDBHH002785, số khung 10THHH002785, có giá trị 15.675.000đ; xe mô tô Honda wave, màu sơn đỏ - đen, số máy HC12E5760809, số khung 1218DY761078 có giá trị 12.467.000đ. Tổng giá trị là 28.142.000đ.

Về vật chứng vụ án:

- Ngày 17-7-2018 Công an huyện C đã bàn giao 02 xe mô tô có nhãn hiệu, số khung và số máy nêu trên cho Công an huyện H. Sau khi tra cứu, xác minh xác định được chủ sở hữu, căn cứ vào đơn xin lại tài sản, ngày 09-8-2018 Công an huyện H đã trả 02 chiếc xe trên cho chủ sở hữu là ông Lý Văn T và Giàng Mí C. Chủ tài sản không yêu cầu bồi thường gì thêm.

- 01 điện thoại di động vỏ màu xám có chữ itel, kèm theo 01 sim Viettel có số seri 8984048000018011486, tạm giữ của Bàn Văn Đ. Vật chứng này được chuyển sang Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Tại cáo trạng số: 25/CT-VKS ngày 05 tháng 9 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh G. Quyết định truy tố đối với bị cáo Bàn Văn Đ về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Bàn Văn Đ khai khoảng 00 giờ ngày 24-4-2018, Bàn Văn Đ cùng Phàn Văn H, Phàn Văn D đã có hành vi trộm cắp xe mô tô Sym Elegant, màu đen – xanh, BKS 23H1 – 129.17 của anh Lý Văn T và xe mô tô Honda Wave, màu đỏ - đen, BKS 23D1 – 212.68 của anh Giàng Mí C tại Thôn H, xã T, huyện H, tỉnh G. Tổng giá trị tài sản là 28.142.000đ. Bị cáo Đ nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị với HĐXX giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về hòa nhập với gia đình và cộng đồng.

Đối với Phàn Văn H không thừa nhận cùng Đ đi trộm cắp tài sản. Mà chỉ thừa nhận việc Đ nhờ H mua giấy tờ giả xe máy để cho Đ bán xe cho T được giá cao. Mọi giao dịch mua bán chỉ có Đ và T giao dịch mua bán với nhau. H đã nhận số tiền của Đ là 2.000.000đ để mua giấy tờ giả.

Tại phiên tòa hôm nay, người bị hại Giàng Mí C và Lý Văn T vắng mặt. Chủ tọa phiên tòa công bố lời khai và đơn xin giải quyết vắng mặt của những người bị hại. Anh C và anh T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm về phần trách nhiệm dân sự. Ngoài ra, không có ý kiến gì bổ sung.

Tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Dương Xuân T vắng mặt. Chủ tọa phiên tòa công bố lời khai và đơn xin giải quyết vắng mặt của anh T. Anh T yêu cầu bị cáo Đ phải trả lại số tiền mua bán xe máy là

12.000.000đ vì khi mua bán giao dịch, chỉ có Đ và T mua bán xe máy với nhau giấy tờ mang tên Bàn Văn Đ.

Người làm chứng đã khai tại hồ sơ hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo Bàn Văn Đ khai nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H thực hành quyền công tố tại phiên tòa ngày hôm nay, có quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Đưa ra chứng cứ đánh giá mức độ hành vi phạm tội và thái độ thành khẩn khai báo của bị cáo; lời khai của người bị hại; lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan lời khai của người làm chứng. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H đề nghị với HĐXX tuyên bố:

Về tội danh: Tuyên bị cáo Bàn Văn Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015. Đề nghị xử phạt bị cáo Bàn Văn Đ từ 14 tháng đến 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo Đ bị bắt, ngày 23-5-2018.

Về phần dân sự: Sau khi nhận lại tài sản, người bị hại Giàng Mí C và Lý Văn T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm về phần trách nhiệm dân sự. Do vậy không xem xét.

Anh Dương Xuân T yêu cầu bị cáo Đ phải trả lại số tiền mua bán xe máy là 12.000.000đ. Cần chấp nhận yêu cầu của anh T và buộc bị cáo Đ phải trả cho anh T số tiền 12.000.000đ. Theo khoản 1 Điều 48 BLHS và khoản 1 Điều 584; Điều 585; khoản 1 Điều 589 và khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu sung quỹ vật chứng:

01 điện thoại di động vỏ màu xám có chữ itel, kèm theo 01 sim Viettel có số seri 8984048000018011486, tạm giữ của Bàn Văn Đ.

(Theo như biên bản bàn giao giữa Công an và Chi cục thi hành án dân sự huyện H ngày 05-9-2018).

Truy thu sung công quỹ nhà nước số tiền do bị cáo Đ đưa cho Phàn Văn H để mua giấy tờ giả là 3.000.000đ.

Về án phí, quyền kháng cáo của bị cáo theo quy định pháp luật.

Phần tranh luận tại phiên tòa:

Bị cáo Đ có ý kiến nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa.

Phàn Văn H không nhất trí truy thu số tiền 3.000.000đ mà chỉ thừa nhận Đ đưa cho 2.000.000đ để mua giấy tờ giả.

Quyền của bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo Đ nhận thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật. Bị cáo Đ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án HĐXX nhận thấy Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên đã thực hiện hành vi, quyết định tố tụng về khởi tố vụ án, khởi tố bị can, ra biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo, ra quyết định truy tố; thu thập chứng cứ tài liệu, vật chứng đã khách quan, phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Bị cáo Bàn Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như sau. Khoảng 00 giờ ngày 24-4-2018, Bàn Văn Đ cùng Phàn Văn H, D đã có hành vi trộm cắp xe mô tô Sym Elegant, màu đen – xanh, BKS 23H1 – 129.17 của anh Lý Văn T và xe mô tô Honda Wave, màu đỏ - đen, BKS 23D1 – 212.68 của anh Giàng Mí C tại Thôn H, xã T, huyện H, tỉnh G. Tổng giá trị tài sản là 28.142.000đ. Bị cáo Đ là người có đủ năng lực hành vi chịu trách nhiệm hình sự. Lời nhận tội của bị cáo trước phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, phù hợp biên bản định giá tài sản, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Bị cáo Bàn Văn Đ thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Do vậy HĐXX đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Bàn Văn Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Như đại điện Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

"*Khoản 1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*".

Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo Đ đã xâm hại đến tài sản của người khác, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế hộ gia đình, làm mất trật tự an ninh xã hội, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân tại địa phương, là nguy hiểm cho xã hội. Hội đồng xét xử thấy rằng cần lên một mức án phù hợp trong khung hình phạt quy định đối với bị cáo Đ, để bị cáo Đ có thời gian rèn luyện tu dưỡng bản thân trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng giáo dục, phòng ngừa chung loại tội phạm này.

[3] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét thấy bị cáo Đ trộm cắp 02 chiếc xe máy đều có giá trị trên 2.000.000đ, thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gia đình thuộc hộ cận nghèo do vậy bị cáo Đ được hưởng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt khi lượng hình theo điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Bị cáo Đ không có thu nhập ổn định nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung, hình phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Sau khi nhận lại tài sản, người bị hại Giàng Mí C và Lý Văn T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm về phần trách nhiệm dân sự. Do vậy HĐXX không đề cập xem xét giải quyết.

Anh Dương Xuân T yêu cầu bị cáo Đ phải trả lại số tiền mua bán xe máy là 12.000.000đ. HĐXX cần chấp nhận yêu cầu của anh T và buộc bị cáo Đ phải trả cho anh T số tiền 12.000.000đ. và phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định.

Theo khoản 1 Điều 48 BLHS và khoản 1 Điều 584; Điều 585; khoản 1 Điều 589 và khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[6] Về vật chứng:

Tịch thu sung quỹ vật chứng:

01 điện thoại di động vỏ màu xám có chữ itel, kèm theo 01 sim Viettel có số seri 8984048000018011486, tạm giữ của Bàn Văn Đ.

(Theo như biên bản bàn giao giữa Công an và Chi cục thi hành án dân sự huyện H ngày 05-9-2018).

Truy thu sung công quỹ nhà nước: Số tiền do bị cáo Đ đưa cho Phàn Văn H để mua giấy tờ giả là 2.000.000đ. Đối với Phàn Văn H.

Theo điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[7] Về án phí: Bị cáo Bàn Văn Đ có đơn xin miễn giảm án phí và thuộc diện hộ nghèo. Nên được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch. Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 14 theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của UBTVQH "Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án".

[8] Quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra đối tượng Phàn Văn H và Phàn Văn D chưa chứng minh được hành vi phạm tội do vậy chưa đủ cơ sở để đưa ra hình thức xử lý 02 đối tượng trên. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H sẽ tiếp tục điều tra xác minh, khi có căn cứ sẽ xử lý theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Bàn Văn Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Bàn Văn Đ 14 (mười bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo Đ bị bắt, ngày **23-5-2018.**

Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS và khoản 1 Điều 584; Điều 585; khoản 1 Điều 589 và khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Bàn Văn Đ phải trả cho anh Dương Xuân T; Địa chỉ: Tổ Luộc 01, thị trấn V, huyện C, tỉnh Q số tiền 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu sung quỹ vật chứng:

01 điện thoại di động vỏ màu xám có chữ itel, kèm theo 01 sim Viettel có số seri 8984048000018011486, tạm giữ của Bàn Văn Đài.

(Theo như biên bản bàn giao giữa Công an và Chi cục thi hành án dân sự huyện H ngày 05-9-2018).

Truy thu sung công quỹ nhà nước: Số tiền 2.000.000đ đối với Phàn Văn H.

Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 14 theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 "Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án" .

Bị cáo Bàn Văn Đ được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch.

Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Báo cho bị cáo, bị hại có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 16-11-2018).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T-M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lâm Anh Luyện

Nơi nhận:
- *Bị cáo;*
- *Người bị hại;*
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;*
- *VKSND huyện H;*
- *VKSND tỉnh G;*
- *Công an huyện H;*
- *Tòa án nhân dân tỉnh;*
- *Sở tư pháp;*
- *Thi hành án huyện H;*
- *Lưu hs, hstha, vp.*